

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHƯA HỢP NHẤT**Quý 3 năm 2015****Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,159,719,953,827	2,412,087,504,715
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	479,493,627,596	568,365,071,697
1 Tiền	111		300,343,627,596	234,495,071,697
2 Các khoản tương đương tiền	112		179,150,000,000	333,870,000,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		568,383,167,585	745,637,977,429
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	682,522,199,042	858,300,882,680
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(114,139,031,457)	(112,662,905,251)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,011,702,353,082	1,021,206,469,105
1 Phải thu khách hàng	131	V.4	283,929,865,667	312,375,504,590
2 Trả trước cho người bán	132	V.5	81,967,974,597	69,967,162,297
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.6	652,341,362,794	656,697,207,529
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6,536,849,976)	(17,833,405,311)
IV Hàng tồn kho	140		23,308,897,180	23,904,542,399
1 Hàng tồn kho	141	V.8	23,308,897,180	23,904,542,399
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		76,831,908,384	52,973,444,085
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	3,005,297,263	2,085,309,238
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13,837,918,326	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,643,113,016	4,217,145,334
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	57,345,579,779	46,670,989,513

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,226,511,234,740		3,741,601,429,148
I Các khoản phải thu dài hạn	210		37,000,000,000		37,000,000,000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-		-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213		-		-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37,000,000,000		37,000,000,000
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-
II Tài sản cố định	220		451,180,899,174		410,274,919,094
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	380,990,030,433		332,299,069,202
<i>Nguyên giá</i>	222		1,029,648,730,677		936,303,887,583
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(648,658,700,244)		(604,004,818,381)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	25,633,646,269		14,392,730,508
<i>Nguyên giá</i>	225		29,053,039,511		14,592,547,596
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3,419,393,242)		(199,817,088)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.14	3,578,850,632		4,455,022,466
<i>Nguyên giá</i>	228		11,458,486,153		11,458,486,153
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,879,635,521)		(7,003,463,687)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	40,978,371,840		59,128,096,918
III Bất động sản đầu tư	240		-		-
<i>Nguyên giá</i>	241		-		-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-		-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,656,026,384,280		3,223,196,141,038
1 Đầu tư vào công ty con	251	V.16	2,783,733,249,428		2,310,538,249,428
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	738,026,041,279		727,075,791,280
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	339,872,332,000		382,905,332,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(205,605,238,427)		(197,323,231,670)
V Tài sản dài hạn khác	260		82,303,951,286		71,130,369,016
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	14,592,946,647		4,994,473,164
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15,312,372,139		16,069,763,352
3 Tài sản dài hạn khác	268	V.21	52,398,632,500		50,066,132,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,386,231,188,567		6,153,688,933,863

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,901,989,124,453		1,533,456,870,586
I Nợ ngắn hạn	310		905,288,478,245		617,166,271,514
1 Vay và nợ ngắn hạn	311 V.22		267,425,181,983		277,688,542,614
2 Phải trả người bán	312 V.23		94,038,872,481		69,295,869,307
3 Người mua trả tiền trước	313 V.24		28,056,648,545		6,509,573,223
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.25		1,455,816,398		22,587,302,977
5 Phải trả người lao động	315 V.26		4,850,250,214		14,055,370,460
6 Chi phí phải trả	316 V.27		146,890,819,321		96,894,361,572
7 Phải trả nội bộ	317		-		-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.28		289,380,986,522		65,432,864,774
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320 V.29		59,450,048,508		56,982,318,300
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13,739,854,273		7,720,068,287
12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-		-
II Nợ dài hạn	330		996,700,646,208		916,290,599,072
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-		-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-
3 Phải trả dài hạn khác	333 V.30		1,226,713,983		857,354,183
4 Vay và nợ dài hạn	334 V.31		983,987,911,914		903,181,681,890
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11,486,020,311		12,251,562,999
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-		-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,484,242,064,114		4,620,232,063,277
I Vốn chủ sở hữu	410		4,484,242,064,114		4,620,232,063,277
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 V.32		1,161,379,940,000		1,161,379,940,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412 V.32		2,471,474,474,400		2,471,474,474,400
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413 V.32		69,388,382,902		69,388,382,902
4 Cổ phiếu quỹ	414		-		-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417 V.32		52,564,113,317		44,814,492,012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

8 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.32	49,450,048,410	41,700,427,105
9 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	679,985,105,085	831,474,346,858
10 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
11 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,386,231,188,567	6,153,688,933,863

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểuNguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

	Chi tiêu	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	258,768,217,446	263,759,358,398	681,813,327,325	726,510,300,747
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	258,768,217,446	263,759,358,398	681,813,327,325	726,510,300,747
4	Giá vốn hàng bán	223,517,528,093	254,917,182,690	631,063,744,668	705,971,971,684
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	35,250,689,353	8,842,175,708	50,749,582,657	20,538,329,063
6	Doanh thu hoạt động tài chính	74,852,709,705	61,608,671,360	267,103,647,327	253,196,582,823
7	Chi phí tài chính	52,181,336,654	8,464,538,212	147,430,695,582	106,101,160,805
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	20,771,837,453	14,188,769,885	53,619,376,686	50,605,401,303
8	Chi phí bán hàng	986,106,576	1,216,449,300	2,903,609,615	3,110,569,416
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,758,810,949	25,321,891,365	57,482,856,971	69,643,031,710
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35,177,144,879	35,447,968,191	110,036,067,816	94,880,149,955
11	Thu nhập khác	1,123,814,589	4,464,207,549	2,503,717,016	7,971,733,015
12	Chi phí khác	155,728,402	701,014,812	298,767,492	1,219,180,762
13	Lợi nhuận khác	968,086,187	3,763,192,737	2,204,949,524	6,752,552,253
14	Lợi nhuận trước thuế	36,145,231,066	39,211,160,928	112,241,017,340	101,632,702,208
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	192,076,254	245,580,510	3,563,785,890	64,477,712,592
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(8,151,475)	(73,208,777,099)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35,953,154,812	38,965,580,418	108,685,382,925	110,363,766,715

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****Quý 3 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	112,241,017,340	101,632,702,208
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	50,379,775,603	48,893,380,978
- Các khoản dự phòng	03	(1,538,422,372)	33,463,867,683
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	74,872,908,638	13,908,947,244
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(261,721,176,081)	(220,040,451,858)
- Chi phí lãi vay	06	53,619,376,686	50,605,401,303
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27,853,479,814	28,463,847,557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	105,093,396,385	294,118,400,712
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	595,645,219	(2,414,234,655)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7,416,648,081	(23,890,350,596)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10,518,461,508)	6,868,100,460
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,635,009,007)	(19,571,308,727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22,283,270,090)	(100,055,181,276)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	50,975,389,948	9,071,032,500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(64,295,444,150)	(22,920,266,022)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	92,202,374,693	169,670,039,953
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(76,817,188,862)	(29,297,045,169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	15,015,500,001	16,452,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(94,600,000,000)	(1,114,184,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	339,128,683,639	848,802,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(484,145,250,000)	(383,135,720,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	838,831,750,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	174,819,268,156	43,597,556,825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(126,598,987,066)	221,066,996,201

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	17,163,250,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	52,670,619,078	531,263,722,079
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105,235,491,737)	(594,891,255,378)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3,669,816,451)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10,033,508,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56,234,689,110)	(56,497,792,099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(90,631,301,484)	334,239,244,055
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	568,365,071,697	207,150,265,471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,759,857,383	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	479,493,627,596	541,389,509,526

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015



Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 3 năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sẽ áp dụng các qui định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập và trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán này theo qui định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí vật tư phụ tùng

Chi phí vật tư phụ tùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.354 VND/USD
25.689 VND/EUR
16.066 VND/SGD
6.025 VND/MYR
178 VND/JPY
2.724 VND/HKD
30/9/2015 : 22.480 VND/USD
25.367 VND/EUR
16.919 VND/SGD
5.102 VND/MYR
188 VND/JPY
2.921 VND/HKD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.087.731.296	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng	296.255.896.300	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	-	5.135.486
Các khoản tương đương tiền		
<i>(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)</i>	179.150.000.000	333.870.000.000
Cộng	479.493.627.596	568.365.071.697

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn ⁽ⁱ⁾	141.722.199.042	144.874.562.680
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	58.400.000.000	231.026.320.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	38.600.000.000	61.024.320.000
- Cho vay ngắn hạn	19.800.000.000	170.002.000.000
Cộng	682.522.199.042	858.300.882.680

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt) đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(112.662.905.251)	(106.584.565.014)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.476.126.206)	(10.070.107.368)
Số cuối kỳ	(114.139.031.457)	(116.654.672.382)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển...	272.656.365.667	283.746.504.590
Dịch vụ cho thuê tài sản	11.273.500.000	28.629.000.000
Cộng	283.929.865.667	312.375.504.590

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH cảng Phước Long	5.890.021.722	6.021.434.386
Các nhà cung cấp khác	76.077.952.875	63.945.727.911
Cộng	81.967.974.597	69.967.162.297

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	20.029.529.835	29.571.349.439
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	220.242.918.945	318.704.872.075
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	108.292.638.293	213.322.634.679
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.915.809.680	4.680.026.659
- Công ty TNHH cảng Phước Long – chi hộ	34.146.067	-
- Gemadept (S) Pte Ltd - tiền chi hộ	86.568.668.610	71.868.128.456
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	14.876.000.000	14.876.000.000
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	183.348.409	5.096.000
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	8.088.000	60.253.196
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco) – tiền chi hộ	1.645.585.847	1.378.568.347
- Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – tiền hỗ trợ vốn	500.000.000	10.000.000.000
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	2.037.015.185	1.332.545.884
Cổ tức, lợi nhuận được chia	379.486.634.156	290.752.453.504
Các khoản phải thu khác	29.582.279.858	14.668.532.511
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	2.857.268.808	3.528.948.416
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao – Transvina	2.000.000.000	2.500.000.000
- Phải thu tiền cho thuê tàu	14.352.239.380	-
- Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn phải thu	972.406.299	786.995.084
- Các khoản phải thu khác	3.272.177.871	1.724.401.511
Cộng	652.341.362.794	656.697.207.529

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(4.040.680.540)	(4.040.680.540)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.496.169.436)	(2.792.724.771)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(11.000.000.000)
Cộng	(6.536.849.976)	(17.833.405.311)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(17.833.405.311)	(11.773.637.000)
Hoàn nhập dự phòng	11.296.555.335	-
Số cuối kỳ	(6.536.849.976)	(11.773.637.000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu trên tàu	17.915.035.002	17.713.743.402
Hàng hóa	5.393.862.178	6.190.798.997
Cộng	23.308.897.180	23.904.542.399

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	119.511.061
Chi phí văn phòng	117.057.632	-
Chi phí bảo hiểm	913.350.703	725.721.805
Vật tư, công cụ, dụng cụ	843.751.761	1.108.499.660
Chi phí khác	1.131.137.167	131.576.712
Cộng	3.005.297.263	2.085.309.238

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	42.232.904.011	41.553.824.845
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	15.112.675.768	5.117.164.668
Cộng	57.345.579.779	46.670.989.513

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đồng Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Tăng trong kỳ	-	4.264.819.940	90.702.094.000	-	94.966.913.940
Giảm trong kỳ	-	(1.341.140.986)	(317.401.000)	-	(1.658.541.986)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	29.388.600	7.082.540	36.471.140
Số cuối kỳ	7.281.263.332	109.580.879.547	905.574.078.677	7.212.509.121	1.029.648.730.677

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Tăng trong kỳ	308.676.014	611.437.555	45.349.822.746	14.091.300	46.284.027.615
Giảm trong kỳ	-	(1.341.140.986)	(317.401.000)	-	(1.658.541.986)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	21.830.505	6.565.729	28.396.234
Số cuối kỳ	6.143.778.798	105.836.623.710	529.466.868.460	7.211.429.276	648.658.700.244
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối kỳ	1.137.484.534	3.744.255.837	376.107.210.217	1.079.845	380.990.030.433

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 154.815.824.899 VND và 53.501.302.212 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.22).

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Thuê tài chính trong kỳ	14.460.491.915
Số cuối kỳ	29.053.039.511
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong kỳ	3.219.576.154
Số cuối kỳ	3.419.393.242
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối kỳ	25.633.646.269

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong kỳ	-	876.171.834	876.171.834
Số cuối kỳ	-	7.879.635.521	7.879.635.521

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối kỳ	1.250.403.410	2.328.447.222	3.578.850.632

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.22).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ ^(*)	59.128.096.918	3.218.052.279	21.367.777.357	40.978.371.840
Cộng	59.128.096.918	3.218.052.279	21.367.777.357	40.978.371.840

^(*) Chi phí mua cầu với giá trị 31.679.789.600 VND đã được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22).

16. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	35.000.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	100,00	91,00	182.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	13,37	80.200.000.000	77.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	89,54	533.940.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	65,50	678.687.100.000	569.867.100.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	10,00	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải ^(v)	65,00	65,00	78.000.000.000	-
Cộng			2.783.733.249.428	2.310.538.249.428

⁽ⁱ⁾ Tăng do góp vốn bổ sung.⁽ⁱⁱ⁾ Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.31).^(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305673056 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương là 9.000.000.000 VND.^(v) Trong kỳ, công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Logistics Nam Hải.**17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.144
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱⁱ⁾	40,00	36,13	89.371.653.136	83.745.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50,00	50,00	6.324.000.000	1.000.000.000
Cộng			738.026.041.279	727.075.791.280

(i) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

(ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu - Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải ⁽ⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	161.291.300.000	161.291.300.000
- Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	140.415.300.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	13.000.000.000	56.033.000.000
- Cho Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept vay	4.000.000.000	36.033.000.000
- Cho Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất vay	9.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	339.872.332.000	382.905.332.000

(i) Toàn bộ cổ phiếu này được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.22).

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(65.587.997.352)	(60.336.727.637)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(22.039.822.016)	(19.110.708.499)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.404.987.059)	(4.303.363.534)
Cộng	(205.605.238.427)	(197.323.231.670)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(197.323.231.670)	(151.714.320.602)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.282.006.757)	(23.393.760.315)
Số cuối kỳ	(205.605.238.427)	(175.108.080.917)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trang trí nội thất	233.035.687	-	(124.792.626)	108.243.061
Chi phí mua phần mềm	15.193.757	-	(15.193.757)	-
Chi phí lãi thuê tài chính container	4.701.317.745	4.811.306.963	(1.152.983.875)	8.359.640.833
Chi phí vật tư phụ tùng	-	4.600.371.848	(620.012.681)	3.980.359.167
Chi phí sửa chữa tàu	-	1.789.599.177	(26.515.705)	1.763.083.472
Chi phí khác	44.925.975	384.705.949	(48.011.810)	381.620.114
Cộng	4.994.473.164	11.585.983.937	(1.987.510.454)	14.592.946.647

21. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ thuê tàu	44.960.000.000	42.708.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	899.200.000	854.160.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.539.432.500	6.503.972.500
Cộng	52.398.632.500	50.066.132.500

22. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.659.767.079	42.032.907.834
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	5.722.178.063	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	27.888.511.523
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.937.589.016	14.144.396.311
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(iv)	241.765.414.904	229.655.634.780
Vay dài hạn đến hạn trả	-	6.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Thuận	-	6.000.000.000
Cộng	267.425.181.983	277.688.542.614

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo 80% bằng tín chấp và 20% bằng việc thế chấp 04 cầu bờ Liebherr.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (iv) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

23. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	21.149.148.482	15.919.656.544
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	16.939.108.387	14.290.346.068
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	111.105.984	54.036.257
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	3.640.916.239	1.456.483.427
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	458.017.872	118.790.792
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	72.889.723.999	53.376.212.763
Cộng	94.038.872.481	69.295.869.307

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	9.769.634.316	6.509.573.223
Khách hàng ứng trước thuê tài sản	18.287.014.229	-
Cộng	28.056.648.545	6.509.573.223

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.455.816.398	22.587.302.977
Cộng	1.455.816.398	22.587.302.977

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	132.518.365.732	81.533.997.926
Chi phí khác	14.372.453.589	15.360.363.646
Cộng	146.890.819.321	96.894.361.572

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	232.472.966.350	196.978.350
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.679.606.640	794.719.481
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	8.938.510.634	15.528.556.134
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	44.217.323.662	45.728.077.536
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – các khoản thu hộ và phải trả khác	12.321.868.893	21.085.413.395
- Gemadept (S) Pte Ltd – các khoản thu hộ tài, mượn tiền	410.212.517	-
- Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
- Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
- Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd - các khoản thu hộ	968.683.019	942.227.649
- Công ty TNHH cảng Phước Long - các khoản thu hộ và phải trả khác	7.482.987.211	763.558.466
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept - các khoản thu hộ	398.101.654	301.407.658
Các khoản phải trả khác	2.072.579.236	3.184.533.273
Cộng	289.380.986.522	65.432.864.774

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****29. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

30. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	48.429.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế	48.429.000.000	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. ⁽ⁱ⁾	899.200.000.000	854.160.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	36.358.911.914	19.021.681.890
Cộng	983.987.911.914	903.181.681.890

⁽ⁱ⁾ Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay : 40.000.000,00 USD

Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.

Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.

Mục đích vay : - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
- Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
- Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.

Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:

- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****32. Vốn chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.161.379.940.000	1.161.379.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ đầu tư phát triển	52.564.113.317	44.814.492.012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	49.450.048.410	41.700.427.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	679.985.105.085	831.474.346.858
Cộng	4.484.242.064.114	4.620.232.063.277

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý....	681.813.327.325	726.510.300.747
Cộng	681.813.327.325	726.510.300.747

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý....	631.063.744.668	705.971.971.684
Cộng	631.063.744.668	705.971.971.684

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.564.696.630	5.176.146.440
Lãi cho vay vốn	9.231.449.260	13.633.838.709
Lãi đầu tư chứng khoán	419.361.260	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	30.557.802.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	244.757.305.215	199.758.351.654
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.130.834.962	4.070.443.645
Cộng	267.103.647.327	253.196.582.823

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.619.376.681	50.605.401.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.032.431.676	8.092.269.139
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	9.758.132.963	33.463.867.683
Chi phí tài chính khác	30.020.754.262	13.939.622.680
Cộng	147.430.695.582	106.101.160.805

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.903.609.615	3.110.569.416
Cộng	2.903.609.615	3.110.569.416

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	29.982.394.605	31.942.432.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.369.503.157	3.514.636.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.777.613.384	21.521.305.931
Chi phí khác	353.345.825	12.664.656.681
Cộng	57.482.856.971	69.643.031.710

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	1.804.090.908	6.963.454.545
Các khoản thu nhập khác	699.626.108	1.008.278.470
Cộng	2.503.717.016	7.971.733.015

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	387.839.782
Các khoản chi phí khác	298.767.492	831.340.980
Cộng	298.767.492	1.219.180.762

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.295.530.678	230.209.762.577
Chi phí nhân công	63.737.877.642	66.614.663.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.379.775.603	48.893.380.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.025.799.103	414.806.402.601
Chi phí khác	14.011.228.228	18.201.363.248
Cộng	691.450.211.254	778.725.572.810

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	Công ty con
Gemadept (S) Pte Ltd	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con của Gemadept (S) Pte Ltd
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con của Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept
Công ty cổ phần Mekong logistics	Công ty con của Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Thanh lý tài sản cố định	-	490.909.901
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Lãi cho vay	1.046.562.500	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Góp vốn	27.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia	754.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	394.098.919	690.280.353

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Gemadept (S) Pte Ltd</i>		
Chi hộ	14.747.569.660	13.100.931.437
Chi phí dịch vụ	37.893.952.312	14.194.607.490
Thu hộ	410.212.517	-
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho vay, mượn tiền	45.000.000.000	14.600.000.000
Cho thuê tài sản	23.884.428.442	13.972.327.480
Lãi cho vay	3.265.947.223	494.252.778
Chi phí dịch vụ	11.500.547.163	37.167.676.334
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Chi hộ	119.246.092	1.138.011.342
Phải trả khác	-	495.676.228
Hỗ trợ vốn	-	40.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	78.000.000.000
Góp vốn	102.000.000.000	-
Cho vay		
Chi hộ	2.660.696.679	1.152.339.825
Lãi cho vay	1.765.228.983	3.611.143.722
Doanh thu dịch vụ	6.751.042.007	7.854.409.246
Chi phí dịch vụ	44.028.873.156	51.644.872.328
Thu hộ	-	596.849.281
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Thu hộ	-	130.689.800
Mượn tiền	-	8.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	46.300.121.075	55.952.651.289
Chi phí dịch vụ	46.561.902.354	64.058.041.385
Chi hộ	24.621.000	11.789.083
Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.160.000.000	3.240.000.000
Cổ tức được chia	9.025.200.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	164.570.599.058	120.000.000.000
Lãi cho vay	-	588.272.222
Doanh thu dịch vụ	3.946.349.798	4.260.021.436
Chi phí dịch vụ	1.084.313.599	627.148.623
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn	-	120.000.000.000
Cho vay	-	48.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	3.092.599.443	8.078.138.374
Chi phí dịch vụ	910.648.693	848.225.406
Doanh thu dịch vụ	6.545.454.545	-
<i>Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	276.086.135	162.158.137
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	267.017.500	288.594.304
Góp vốn	2.700.000.000	2.600.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Chi phí dịch vụ	-	375.000.000
Chi hộ	951.729.040	160.194.731
<i>Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng</i>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	2.142.000.000
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	80.995.440	41.403.318.925
Góp vốn	153.175.000.000	-
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	108.820.000.000	232.354.800.000
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	1.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	2.127.736.750	-
<i>Công ty TNHH ISS Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	145.003.772	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	403.898.452	296.969.570
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Doanh thu dịch vụ	217.350.000	138.424.000
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	230.283.250	-
Thu hộ	75.000.000	-
Góp vốn	5.324.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	275.459.000	-
Công ty Golden Globe Co., Ltd.		
Góp vốn	5.626.250.000	25.940.920.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	209.126.000	159.289.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải		
Góp vốn	78.000.000.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu lãi cho vay	1.046.562.500	478.361.111
Cho vay	9.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	-	300.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd		
Phải thu phí dịch vụ	11.980.505.003	16.302.999.421
Gemadept (S) Pte Ltd		
Phải thu phí dịch vụ	140.430.293.852	133.350.263.078
Các khoản chi hộ	86.568.668.610	71.868.128.456
Ký quỹ thuê tàu	44.960.000.000	42.708.000.000
Grand Pacific Shipping		
Các khoản chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải thu phí dịch vụ	6.026.573.814	22.154.158.334
Ứng trước tiền dịch vụ	5.890.021.722	6.021.434.386
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Cho vay	19.800.000.000	49.200.000.000
Phải thu khác	34.146.067	-
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu phí dịch vụ	2.948.780.593	3.366.000.000
Lợi nhuận được chia	183.650.000.000	170.650.000.000
Cho vay	4.000.000.000	36.033.000.000
Chi hộ khác	183.348.409	5.096.000
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu phí dịch vụ	777.608.902	5.320.270.576
Các khoản chi hộ	8.088.000	60.253.196
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	7.128.000.000	4.752.000.000
Cổ tức được chia	14.848.800.000	5.823.600.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	14.876.000.000	14.876.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải thu phí dịch vụ	440.000.000	-
Cổ tức được chia	162.999.999.999	113.385.153.504
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	276.086.135	96.448.874
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.460.929.050	509.200.010
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải thu tiền chi hộ	1.645.585.847	1.378.568.347
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	108.292.638.293	213.322.634.679
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ dự án cao su	4.915.809.680	4.680.026.659
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Phải thu phí dịch vụ	1.500.000.000	998.572.778
Cho vay	-	110.802.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH ISS Gemadept		
Phải thu phí dịch vụ	41.631.331	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn		
Cổ tức được chia	550.000	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	-	893.700.000
Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm		
Phải thu hỗ trợ vốn	500.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Phải thu các khoản chi hộ và phí dịch vụ	1.116.500	126.897.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Phải thu phí dịch vụ	275.459.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương		
Phải thu phí dịch vụ	2.340.510.425	-
Cộng nợ phải thu	858.316.616.743	1.060.944.385.263
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd		
Phải trả các khoản thu hộ	968.683.019	942.227.649
Gemadept (S) Pte Ltd		
Phải trả khác	410.212.517	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Phải trả phí dịch vụ	3.640.916.239	1.456.483.427
Các khoản thu hộ và phải trả khác	398.101.654	301.407.658
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	7.482.987.211	763.558.466
Nhận ứng trước	5.064.000.000	-
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Phải trả phí dịch vụ	16.939.108.387	14.290.346.068
Các khoản thu hộ và phải trả khác	12.321.868.893	21.085.413.395
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	458.017.872	118.790.792
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Phải trả phí dịch vụ	111.105.984	54.036.257
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
Công ty TNHH MTV logistic Biển Sáng		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Vay ngắn hạn	241.765.414.904	229.655.634.780
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn		
Phải trả phí dịch vụ	1.996.456	-
Cộng nợ phải trả	312.197.883.504	291.303.368.860

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015


Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc